

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động
làm việc theo hợp đồng lao động

Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ Quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động¹.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định mức lương tối thiểu tháng và mức lương tối thiểu giờ áp dụng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động.

2. Người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động, bao gồm:

a) Doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

¹ Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 128/2025/NĐ-CP), có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ.”

b) Cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có thuê mướn, sử dụng người lao động làm việc cho mình theo thỏa thuận; trường hợp người sử dụng lao động là cá nhân thì phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện mức lương tối thiểu quy định tại Nghị định này.

Điều 3. Mức lương tối thiểu

1. Quy định mức lương tối thiểu tháng và mức lương tối thiểu giờ đối với người lao động làm việc cho người sử dụng lao động theo vùng như sau:

Vùng	Mức lương tối thiểu tháng (Đơn vị: đồng/tháng)	Mức lương tối thiểu giờ (Đơn vị: đồng/giờ)
Vùng I	4.960.000	23.800
Vùng II	4.410.000	21.200
Vùng III	3.860.000	18.600
Vùng IV	3.450.000	16.600

2. Danh mục địa bàn vùng I, vùng II, vùng III, vùng IV được quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

3. Việc áp dụng địa bàn vùng được xác định theo nơi hoạt động của người sử dụng lao động như sau:

a) Người sử dụng lao động hoạt động trên địa bàn thuộc vùng nào thì áp dụng mức lương tối thiểu quy định đối với địa bàn đó.

b) Người sử dụng lao động có đơn vị, chi nhánh hoạt động trên các địa bàn có mức lương tối thiểu khác nhau thì đơn vị, chi nhánh hoạt động ở địa bàn nào, áp dụng mức lương tối thiểu quy định đối với địa bàn đó.

c) Người sử dụng lao động hoạt động trong khu công nghiệp, khu chế xuất nằm trên các địa bàn có mức lương tối thiểu khác nhau thì áp dụng theo địa bàn có mức lương tối thiểu cao nhất.

d) Người sử dụng lao động hoạt động trên địa bàn có sự thay đổi tên gọi hoặc chia đơn vị hành chính thì tạm thời áp dụng mức lương tối thiểu quy định đối với địa bàn trước khi thay đổi tên gọi hoặc chia đơn vị hành chính cho đến khi Chính phủ có quy định mới.

đ) Người sử dụng lao động hoạt động trên địa bàn được thành lập mới từ một địa bàn hoặc nhiều địa bàn có mức lương tối thiểu khác nhau thì áp dụng mức lương tối thiểu theo địa bàn có mức lương tối thiểu cao nhất.

e)² (*được bãi bỏ*)

Điều 4. Áp dụng mức lương tối thiểu

1. Mức lương tối thiểu tháng là mức lương thấp nhất làm cơ sở để thỏa thuận và trả lương đối với người lao động áp dụng hình thức trả lương theo tháng, bảo đảm mức lương theo công việc hoặc chức danh của người lao động làm việc đủ thời giờ làm việc bình thường trong tháng và hoàn thành định mức lao động hoặc công việc đã thỏa thuận không được thấp hơn mức lương tối thiểu tháng.

2. Mức lương tối thiểu giờ là mức lương thấp nhất làm cơ sở để thỏa thuận và trả lương đối với người lao động áp dụng hình thức trả lương theo giờ, bảo đảm mức lương theo công việc hoặc chức danh của người lao động làm việc trong một giờ và hoàn thành định mức lao động hoặc công việc đã thỏa thuận không được thấp hơn mức lương tối thiểu giờ.

3. Đối với người lao động áp dụng hình thức trả lương theo tuần hoặc theo ngày hoặc theo sản phẩm hoặc lương khoán thì mức lương của các hình thức trả lương này nếu quy đổi theo tháng hoặc theo giờ không được thấp hơn mức lương tối thiểu tháng hoặc mức lương tối thiểu giờ. Mức lương quy đổi theo tháng hoặc theo giờ trên cơ sở thời giờ làm việc bình thường do người sử dụng lao động lựa chọn theo quy định của pháp luật lao động như sau:

a) Mức lương quy đổi theo tháng bằng mức lương theo tuần nhân với 52 tuần chia cho 12 tháng; hoặc mức lương theo ngày nhân với số ngày làm việc bình thường trong tháng; hoặc mức lương theo sản phẩm, lương khoán thực hiện trong thời giờ làm việc bình thường trong tháng.

b) Mức lương quy đổi theo giờ bằng mức lương theo tuần, theo ngày chia cho số giờ làm việc bình thường trong tuần, trong ngày; hoặc mức lương theo sản phẩm, lương khoán chia cho số giờ làm việc trong thời giờ làm việc bình thường để sản xuất sản phẩm, thực hiện nhiệm vụ khoán.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành³

² Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 15 của Nghị định số 128/2025/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

³ Điều 15 của Nghị định số 128/2025/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 có quy định như sau:
“Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Nghị định này hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027 trừ các trường hợp sau:

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.
2. Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.
3. Khi thực hiện mức lương tối thiểu quy định tại Nghị định này, người sử dụng lao động có trách nhiệm rà soát lại các chế độ trả lương trong hợp đồng lao động đã thỏa thuận với người lao động, thỏa ước lao động tập thể và các quy chế, quy định của người sử dụng lao động để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. Đối với các nội dung trả lương đã thỏa thuận, cam kết mà có lợi hơn cho người lao động (như chế độ trả lương cho người lao động làm công việc hoặc chức danh đòi hỏi qua học tập, đào tạo nghề cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu và chế độ trả lương cho người lao động làm công việc hoặc chức danh có điều kiện lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm cao hơn ít nhất 5%; công việc hoặc chức danh có điều kiện lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm cao hơn ít nhất

a) Bộ, cơ quan ngang bộ báo cáo Chính phủ đề xuất và được Quốc hội quyết định kéo dài thời gian áp dụng toàn bộ hoặc một phần Nghị định này;

b) Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định này được thông qua hoặc ban hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 và các quy định tương ứng trong Nghị định này hết hiệu lực tại thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.

3. Trong thời gian các quy định của Nghị định này có hiệu lực, nếu quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục trong Nghị định này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

4. Thay thế, bổ sung một số từ, cụm từ tại Phụ lục I của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP như sau:

a) Thay thế cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Việc làm)” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Nội vụ” tại Mẫu số 01/PLI, 02/PLI, 03/PLI, 09/PLI, 10/PLI, 11/PLI, 13/PLI.

b) Thay thế cụm từ “Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024” bằng cụm từ “Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025”; thay thế cụm từ “Cổng Thông tin điện tử của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Việc làm)” bằng cụm từ “Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” tại Mẫu số 01, 02/PLI;

c) Thay thế cụm từ “Cục trưởng/Giám đốc” bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Giám đốc Sở Nội vụ” tại Mẫu số 03/PLI;

d) Thay thế cụm từ “Cục trưởng Cục Việc làm” bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Giám đốc Sở Nội vụ” tại Mẫu số 10/PLI, 13/PLI;

đ) Thay thế cụm từ “Cục trưởng Cục Việc làm (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)” thành “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Giám đốc Sở Nội vụ” tại Mẫu số 12/PLI.

5. Thay thế cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” tại Mẫu số 10 Phụ lục I của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP.

6. Bãi bỏ điểm e khoản 3 Điều 3 và Phụ lục kèm theo của Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

7. Danh mục địa bàn cấp xã áp dụng mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

Khi áp dụng mức lương tối thiểu tháng và mức lương tối thiểu giờ đối với người lao động làm việc cho người sử dụng lao động theo địa bàn cấp xã tại Phụ lục kèm theo Nghị định này mà có trường hợp mức lương tối thiểu thấp hơn so với trước thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025 thì người sử dụng lao động tiếp tục thực hiện mức lương tối thiểu như đã áp dụng đối với địa bàn cấp huyện trước thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025 cho đến khi Chính phủ có quy định mới.”

7% so với mức lương của công việc hoặc chức danh có độ phức tạp tương đương, làm việc trong điều kiện lao động bình thường) thì tiếp tục được thực hiện, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Người sử dụng lao động không được xóa bỏ hoặc cắt giảm các chế độ tiền lương khi người lao động làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm, chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật và các chế độ khác theo quy định của pháp luật lao động.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và người sử dụng lao động chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

BỘ NỘI VỤ

Số: /VBHN-BNV

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Trung tâm CNTT, BNV (để đăng tải);
- Vụ Pháp chế, BNV (để đăng tải);
- Lưu: VT, CTL&BHXH.

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Mạnh Khương

PHỤ LỤC⁴ (được bãi bỏ)
DANH MỤC ĐỊA BÀN ÁP DỤNG MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU
TỪ NGÀY 01 THÁNG 7 NĂM 2024
(Kèm theo Nghị định số 74/2024/NĐ-CP
ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ)

PHỤ LỤC I⁵
DANH MỤC ĐỊA BÀN CẤP XÃ ÁP DỤNG MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU
(Kèm theo Nghị định số 128/2025/NĐ-CP
ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

1. Tỉnh Lào Cai

- Vùng II, gồm các phường Cam Đường, Lào Cai và các xã Cốc San, Hợp Thành, Gia Phú.
- Vùng III, gồm các phường Văn Phú, Yên Bái, Nam Cường, Âu Lâu, Sa Pa và các xã Phong Hải, Xuân Quang, Bảo Thắng, Tăng Loỏng, Mường Bo, Bản Hồ, Tả Phìn, Tả Van, Ngũ Chỉ Sơn.
- Vùng IV, gồm các xã, phường còn lại.

2. Tỉnh Cao Bằng

- Vùng III, gồm các phường Thục Phán, Nùng Trí Cao, Tân Giang.
- Vùng IV, gồm các xã, phường còn lại.

3. Tỉnh Điện Biên

- Vùng III, gồm các phường Điện Biên Phủ, Mường Thanh và xã Mường Phăng, Nà Tấu.
- Vùng IV, gồm các xã, phường còn lại.

4. Tỉnh Lai Châu

- Vùng III, gồm các phường Tân Phong, Đoàn Kết.
- Vùng IV, gồm các xã, phường còn lại.

5. Tỉnh Sơn La

- Vùng III, gồm các phường Tô Hiệu, Chiềng An, Chiềng Cơi, Chiềng Sinh.
- Vùng IV, gồm các xã, phường còn lại.

6. Tỉnh Tuyên Quang

⁴ Phụ lục này được bãi bỏ bởi khoản 6 Điều 15 Nghị định số 128/2025/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁵ Phụ lục này được quy định bởi Nghị định số 128/2025/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

- Vùng III, gồm các phường Mỹ Lâm, Minh Xuân, Nông Tiến, An Tường, Bình Thuận, Hà Giang 1, Hà Giang 2 và xã Ngọc Đường.

- Vùng IV, gồm các xã, phường còn lại.

7. Tỉnh Lạng Sơn

- Vùng III, gồm các phường Tam Thanh, Lương Văn Tri, Hoàng Văn Thụ, Đông Kinh.

- Vùng IV, gồm các xã, phường còn lại.

8. Tỉnh Phú Thọ

- Vùng II, gồm các phường Việt Trì, Nông Trang, Thanh Miếu, Vân Phú, Vĩnh Phúc, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Xuân Hòa, Hòa Bình, Kỳ Sơn, Tân Hòa, Thống Nhất và các xã Hy Cương, Yên Lạc, Tề Lỗ, Liên Châu, Tam Hồng, Nguyệt Đức, Bình Nguyên, Xuân Lãng, Bình Xuyên, Bình Tuyền, Lương Sơn, Cao Dương, Liên Sơn, Thịnh Minh.

- Vùng III, gồm các phường Phong Châu, Phú Thọ, Âu Cơ và các xã Lâm Thao, Xuân Lũng, Phùng Nguyên, Bản Nguyên, Phù Ninh, Dân Chủ, Phú Mỹ, Trạm Thán, Bình Phú, Thanh Ba, Quảng Yên, Hoàng Cương, Đông Thành, Chí Tiên, Liên Minh, Tam Nông, Thọ Văn, Vạn Xuân, Hiền Quan, Tam Sơn, Sông Lô, Hải Lựu, Yên Lãng, Lập Thạch, Tiên Lữ, Thái Hòa, Liên Hòa, Hợp Lý, Sơn Đông, Tam Đảo, Đại Đình, Đạo Trù, Tam Dương, Hội Thịnh, Hoàng An, Tam Dương Bắc, Vĩnh Tường, Thổ Tang, Vĩnh Hưng, Vĩnh An, Vĩnh Phú, Vĩnh Thành.

- Vùng IV, gồm các xã, phường còn lại.

9. Tỉnh Quảng Ninh

- Vùng IV, gồm các xã Ba Chẽ, Hoành Mô, Lục Hồn, Bình Liêu và đặc khu Cô Tô.

- Vùng III, gồm các xã Tiên Yên, Diên Xá, Đông Ngũ, Hải Lạng, Quảng Tân, Đàm Hà, Quảng Hà, Đường Hoa, Quảng Đức, Cái Chiên và đặc khu Vân Đồn.

- Vùng II, gồm các phường Mông Dương, Quang Hanh, Cẩm Phả, Cửa Ông và xã Hải Hòa.

- Vùng I, gồm các xã, phường còn lại.

10. Thành phố Hải Phòng

- Vùng III, gồm các xã Thanh Hà, Hà Tây, Hà Bắc, Hà Đông, Ninh Giang, Vĩnh Lại, Khúc Thừa Dụ, Tân An, Hồng Châu, Thanh Miện, Bắc Thanh Miện, Hải Hưng, Nam Thanh Miện, Hà Nam.

- Vùng II, gồm các phường Chu Văn An, Chí Linh, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Trần Nhân Tông, Lê Đại Hành, Kinh Môn, Nguyễn Đại Năng, Trần Liễu, Bắc An Phụ, Phạm Sư Mạnh, Nhị Chiểu và các xã Nam An Phụ, Nam Sách, Thái Tân, Hợp Tiến, Trần Phú, An Phú, Cẩm Giang, Cẩm Giàng, Tuệ Tĩnh, Mao Điền, Kẻ Sặt, Bình Giang, Đường An, Thượng Hồng, Gia Lộc, Yết Kiêu, Gia Phúc, Trường Tân, Tứ Kỳ, Tân Kỳ, Đại Sơn, Chí Minh, Lạc Phượng, Nguyên Giáp, Nguyễn Lương Bằng, Phú Thái, Lai Khê, An Thành, Kim Thành và đặc khu Bạch Long Vĩ.

- Vùng I, gồm các xã, phường và đặc khu còn lại.

11. Tỉnh Hưng Yên

- Vùng II, gồm các phường Phố Hiến, Sơn Nam, Hồng Châu, Mỹ Hào, Đường Hào, Thượng Hồng, Thái Bình, Trần Lãm, Trần Hưng Đạo, Trà Lý, Vũ Phúc và các xã Tân Hưng, Yên Mỹ, Việt Yên, Hoàn Long, Nguyễn Văn Linh, Như Quỳnh, Lạc Đạo, Đại Đồng, Nghĩa Trụ, Phụng Công, Văn Giang, Mỹ Sở.

- Vùng III, gồm các xã Hoàng Hoa Thám, Tiên Lữ, Tiên Hoa, Quang Hưng, Đoàn Đào, Tiên Tiến, Tống Trân, Lương Bằng, Nghĩa Dân, Hiệp Cường, Đức Hợp, Ân Thi, Xuân Trúc, Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Trãi, Hồng Quang, Khoái Châu, Triệu Việt Vương, Việt Tiến, Chí Minh, Châu Ninh, Thái Thụy, Đông Thụy Anh, Bắc Thụy Anh, Thụy Anh, Nam Thụy Anh, Bắc Thái Ninh, Thái Ninh, Đông Thái Ninh, Nam Thái Ninh, Tây Thái Ninh, Tây Thụy Anh, Tiền Hải, Tây Tiền Hải, Ái Quốc, Đông Châu, Đông Tiền Hải, Nam Cường, Hưng Phú, Nam Tiền Hải.

- Vùng IV, gồm các xã, phường còn lại.

12. Tỉnh Thái Nguyên

- Vùng II, gồm các phường Phan Đình Phùng, Linh Sơn, Tích Lương, Gia Sàng, Quyết Thắng, Quan Triều, Phở Yên, Vạn Xuân, Trung Thành, Phúc Thuận, Sông Công, Bá Xuyên, Bách Quang và các xã Tân Cương, Đại Phúc, Thành Công.

- Vùng III, gồm các phường Đức Xuân, Bắc Kạn và các xã Đại Từ, Đức Lương, Phú Thịnh, La Bằng, Phú Lạc, An Khánh, Quân Chu, Vạn Phú, Phú Xuyên, Phú Bình, Tân Thành, Diềm Thụy, Kha Sơn, Tân Khánh, Đồng Hỷ, Quang Sơn, Trại Cau, Nam Hòa, Văn Hán, Văn Lãng, Phú Lương, Vô Tranh, Yên Trạch, Hợp Thành, Phong Quang.

- Vùng IV, gồm các xã, phường còn lại.

13. Tỉnh Bắc Ninh

- Vùng IV, gồm các phường Chũ, Phượng Sơn và các xã Đại Sơn, Sơn Động, Tây Yên Tử, Dương Hưu, Yên Định, An Lạc, Vân Sơn, Biện Động, Lục

Ngạn, Đèo Gia, Sơn Hải, Tân Sơn, Biên Sơn, Sa Lý, Nam Dương, Kiên Lao, Lục Sơn, Trường Sơn, Cẩm Lý, Đông Phú, Nghĩa Phương, Lục Nam, Bắc Lũng, Bảo Đài, Yên Thế, Bó Hạ, Đồng Kỳ, Xuân Lương, Tam Tiến, Tuấn Đạo.

- Vùng III, gồm các xã Lạng Giang, Mỹ Thái, Kép, Tân Đình, Tiên Lục, Tân Yên, Ngọc Thiện, Nhã Nam, Phúc Hòa, Quang Trung, Hợp Thịnh, Hiệp Hòa, Hoàng Vân, Xuân Cẩm.

- Vùng II, gồm các xã, phường còn lại.

14. Thành phố Hà Nội

- Vùng II, gồm các xã Phượng Dực, Chuyên Mỹ, Đại Xuyên, Vân Đình, Ứng Thiên, Hòa Xá, Ứng Hòa, Mỹ Đức, Hồng Sơn, Phúc Sơn, Hương Sơn, Minh Châu, Quảng Oai, Vật Lại, Cổ Đô, Bát Bạt, Suối Hai, Ba Vì, Phúc Thọ, Phúc Lộc, Hát Môn, Đan Phượng.

- Vùng I, gồm các xã, phường còn lại.

15. Tỉnh Ninh Bình

- Vùng II, gồm các phường Tây Hoa Lư, Hoa Lư, Nam Hoa Lư, Đông Hoa Lư, Nam Định, Thiên Trường, Đông A, Vị Khê, Thành Nam, Trường Thi, Hồng Quang, Mỹ Lộc.

- Vùng III, gồm các phường Tam Điệp, Yên Sơn, Trung Sơn, Yên Thắng, Hà Nam, Phủ Lý, Phủ Vân, Châu Sơn, Liêm Tuyền, Duy Tiên, Duy Tân, Đồng Văn, Duy Hà, Tiên Sơn, Lê Hồ, Nguyễn Úy, Lý Thường Kiệt, Kim Thanh, Tam Chúc, Kim Bảng và các xã Gia Viễn, Đại Hoàng, Gia Hưng, Gia Phong, Gia Vân, Gia Trấn, Yên Khánh, Khánh Nhạc, Khánh Thiện, Khánh Hội, Khánh Trung, Nam Trực, Nam Minh, Nam Đồng, Nam Ninh, Nam Hồng, Minh Tân, Hiến Khánh, Vụ Bản, Liên Minh, Ý Yên, Yên Đồng, Yên Cường, Vạn Thắng, Vũ Dương, Tân Minh, Phong Doanh, Cổ Lễ, Ninh Giang, Cát Thành, Trực Ninh, Quang Hưng, Minh Thái, Ninh Cường, Xuân Trường, Xuân Hưng, Xuân Giang, Xuân Hồng, Hải Hậu, Hải Anh, Hải Tiến, Hải Hưng, Hải An, Hải Quang, Hải Xuân, Hải Thịnh, Giao Minh, Giao Hòa, Giao Thủy, Giao Phúc, Giao Hưng, Giao Bình, Giao Ninh, Đồng Thịnh, Nghĩa Hưng, Nghĩa Sơn, Hồng Phong, Quỹ Nhất, Nghĩa Lâm, Rạng Đông.

- Vùng IV, gồm các xã, phường còn lại.

16. Tỉnh Thanh Hóa

- Vùng II, gồm các phường Hạc Thành, Quảng Phú, Đông Quang, Đông Sơn, Đông Tiến, Hàm Rồng, Nguyệt Viên, Sầm Sơn, Nam Sầm Sơn, Bim Sơn, Quang Trung, Ngọc Sơn, Tân Dân, Hải Lĩnh, Tĩnh Gia, Đào Duy Từ, Hải Bình, Trúc Lâm, Nghi Sơn và các xã Trường Lâm, Các Sơn.

- Vùng III, gồm các xã Hà Trung, Tống Sơn, Hà Long, Hoạt Giang, Lĩnh Toại, Triệu Lộc, Đông Thành, Hậu Lộc, Hoa Lộc, Vạn Lộc, Nga Sơn, Nga Thắng, Hồ Vương, Tân Tiến, Nga An, Ba Đình, Hoàng Hóa, Hoàng Tiến, Hoàng Thanh, Hoàng Lộc, Hoàng Châu, Hoàng Sơn, Hoàng Phú, Hoàng Giang, Lưu Vệ, Quảng Yên, Quảng Ngọc, Quảng Ninh, Quảng Bình, Tiên Trang, Quảng Chính, Nông Cống, Thắng Lợi, Trung Chính, Trường Văn, Thăng Bình, Tượng Lĩnh, Công Chính, Thiệu Hóa, Thiệu Quang, Thiệu Tiến, Thiệu Toán, Thiệu Trung, Yên Định, Yên Trường, Yên Phú, Quý Lộc, Yên Ninh, Định Tân, Định Hòa, Thọ Xuân, Thọ Long, Xuân Hòa, Sao Vàng, Lam Sơn, Thọ Lập, Xuân Tín, Xuân Lập, Vĩnh Lộc, Tây Đô, Biện Thượng, Triệu Sơn, Thọ Bình, Thọ Ngọc, Thọ Phú, Hợp Tiến, An Nông, Tân Ninh, Đồng Tiến.

- Vùng IV, gồm các xã, phường còn lại.

17. Tỉnh Nghệ An

- Vùng II, gồm các phường Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Hưng, Vinh Phú, Vinh Lộc, Cửa Lò và các xã Hưng Nguyên, Yên Trung, Hưng Nguyên Nam, Lam Thành, Nghi Lộc, Phúc Lộc, Đông Lộc, Trung Lộc, Thần Lĩnh, Hải Lộc, Văn Kiều.

- Vùng III, gồm các phường Hoàng Mai, Tân Mai, Quỳnh Mai, Thái Hòa, Tây Hiếu và các xã Diễn Châu, Đức Châu, Quảng Châu, Hải Châu, Tân Châu, An Châu, Minh Châu, Hùng Châu, Đô Lương, Bạch Ngọc, Văn Hiến, Bạch Hà, Thuần Trung, Lương Sơn, Vạn An, Nam Đàn, Đại Huệ, Thiên Nhẫn, Kim Liên, Nghĩa Đàn, Nghĩa Thọ, Nghĩa Lâm, Nghĩa Mai, Nghĩa Hưng, Nghĩa Khánh, Nghĩa Lộc, Quỳnh Lưu, Quỳnh Văn, Quỳnh Anh, Quỳnh Tam, Quỳnh Phú, Quỳnh Sơn, Quỳnh Thắng, Đông Hiếu, Yên Thành, Quan Thành, Hợp Minh, Vân Tụ, Vân Du, Quang Đông, Giai Lạc, Bình Minh, Đông Thành.

- Vùng IV, gồm các xã, phường còn lại.

18. Tỉnh Hà Tĩnh

- Vùng III, gồm các phường Sông Trí, Hải Ninh, Hoành Sơn, Vũng Áng, Thành Sen, Trần Phú, Hà Huy Tập và các xã Thạch Lạc, Đồng Tiến, Thạch Khê, Cẩm Bình, Kỳ Hoa.

- Vùng IV, gồm các xã, phường còn lại.

19. Tỉnh Quảng Trị

- Vùng II, gồm các phường Đồng Hới, Đồng Thuận, Đông Sơn.

- Vùng III, gồm các phường Đông Hà, Nam Đông Hà, Ba Đồn, Bắc Gianh và các xã Nam Gianh, Nam Ba Đồn, Tân Gianh, Trung Thuận, Quảng Trạch, Hòa Trạch, Phú Trạch, Thượng Trạch, Phong Nha, Bắc Trạch, Đông Trạch, Hoàn Lão,

Bố Trạch, Nam Trạch, Quảng Ninh, Ninh Châu, Trường Ninh, Trường Sơn, Lệ Thủy, Cam Hồng, Sen Ngư, Tân Mỹ, Trường Phú, Lệ Ninh, Kim Ngân.

- Vùng IV, gồm các xã, phường và đặc khu còn lại.

20. Thành phố Huế

- Vùng II, gồm các phường Thuận An, Hóa Châu, Mỹ Thượng, Võ Dạ, Thuận Hóa, An Cựu, Thủy Xuân, Kim Long, Hương An, Phú Xuân, Dương Nỗ.

- Vùng IV, gồm các xã A Lưới 1, A Lưới 2, A Lưới 3, A Lưới 4, A Lưới 5.

- Vùng III, gồm các xã, phường còn lại.

21. Thành phố Đà Nẵng

- Vùng II, gồm các phường Hải Châu, Hòa Cường, Thanh Khê, An Khê, An Hải, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Hòa Khánh, Hải Vân, Liên Chiểu, Cẩm Lệ, Hòa Xuân, Tam Kỳ, Quảng Phú, Hương Trà, Bàn Thạch, Hội An, Hội An Đông, Hội An Tây và các xã Hòa Vang, Hòa Tiến, Bà Nà, Tân Hiệp và đặc khu Hoàng Sa.

- Vùng III, gồm các phường Điện Bàn, Điện Bàn Đông, An Thắng, Điện Bàn Bắc và các xã Núi Thành, Tam Mỹ, Tam Anh, Đức Phú, Tam Xuân, Tam Hải, Tây Hồ, Chiên Đàn, Phú Ninh, Thăng Bình, Thăng An, Thăng Trường, Thăng Điện, Thăng Phú, Đồng Dương, Quế Sơn Trung, Quế Sơn, Xuân Phú, Nông Sơn, Quế Phước, Duy Nghĩa, Nam Phước, Duy Xuyên, Thu Bồn, Điện Bàn Tây, Gò Nổi, Đại Lộc, Hà Nha, Thượng Đức, Vu Gia, Phú Thuận,

- Vùng IV, gồm các xã, phường còn lại.

22. Tỉnh Quảng Ngãi

- Vùng III, gồm các phường Trương Quang Trọng, Cẩm Thành, Nghĩa Lộ, Kon Tum, Đăk Cẩm, Đăk Bla và các xã Tịnh Khê, An Phú, Bình Minh, Bình Chương, Bình Sơn, Vạn Tường, Đông Sơn, Trường Giang, Ba Gia, Sơn Tịnh, Thọ Phong, Ngọc Bay, Ia Chim, Đăk Rơ Wa, Đăk Pxi, Đăk Mar, Đăk Ui, Đăk Hà, Ngọc Réo.

- Vùng IV, gồm các xã, phường và đặc khu còn lại.

23. Tỉnh Đắk Lắk

- Vùng III, gồm các phường Buôn Ma Thuột, Tân An, Tân Lập, Xuân Đài, Sông Cầu, Thành Nhất, Ea Kao, Tuy Hòa, Phú Yên, Bình Kiến, Đông Hòa, Hòa Hiệp và các xã Hòa Phú, Xuân Thọ, Xuân Cảnh, Xuân Lộc, Hòa Xuân.

- Vùng IV, gồm các xã, phường còn lại.

24. Tỉnh Khánh Hòa

- Vùng II, gồm các phường Nha Trang, Bắc Nha Trang, Tây Nha Trang, Nam Nha Trang, Bắc Cam Ranh, Cam Ranh, Cam Linh, Ba Ngòi, Ninh Hòa, Đông Ninh Hòa, Hòa Thắng và các xã Nam Cam Ranh, Bắc Ninh Hòa, Tân Định, Nam Ninh Hòa, Tây Ninh Hòa, Hòa Trí.

- Vùng III, gồm các phường Phan Rang, Đông Hải, Ninh Chữ, Bảo An, Đô Vinh và các xã Đại Lãnh, Tu Bông, Vạn Thắng, Vạn Ninh, Vạn Hưng, Diên Khánh, Diên Lạc, Diên Điền, Suối Hiệp, Diên Thọ, Diên Lâm, Cam Lâm, Suối Dầu, Cam Hiệp, Cam An, Ninh Phước, Phước Hữu, Phước Hậu, Phước Dinh, Ninh Hải, Xuân Hải, Vĩnh Hải, Thuận Bắc, Công Hải.

- Vùng IV, gồm các xã, phường và đặc khu còn lại.

25. Tỉnh Gia Lai

- Vùng III, gồm các phường Quy Nhơn, Quy Nhơn Đông, Quy Nhơn Tây, Quy Nhơn Nam, Quy Nhơn Bắc, Pleiku, Hội Phú, Thống Nhất, Diên Hồng, An Phú và các xã Biển Hồ, Gào.

- Vùng IV, gồm các xã, phường còn lại.

26. Tỉnh Lâm Đồng

- Vùng II, gồm các phường Xuân Hương - Đà Lạt, Cam Ly - Đà Lạt, Lâm Viên - Đà Lạt, Xuân Trường - Đà Lạt, Lang Biang - Đà Lạt, 1 Bảo Lộc, 2 Bảo Lộc, 3 Bảo Lộc, B' Lao, Hàm Thắng, Bình Thuận, Mũi Né, Phú Thủy, Phan Thiết, Tiến Thành và xã Tuyên Quang.

- Vùng III, gồm các phường La Gi, Phước Hội, Bắc Gia Nghĩa, Nam Gia Nghĩa, Đông Gia Nghĩa và các xã Hiệp Thạnh, Đức Trọng, Tân Hội, Tà Hine, Tà Năng, Đình Văn Lâm Hà, Di Linh, Hòa Ninh, Hòa Bắc, Đình Trang Thượng, Bảo Thuận, Sơn Điền, Gia Hiệp, Tân Hải, Đông Giang, La Dạ, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận, Hồng Sơn, Hàm Liêm, Hàm Thạnh, Hàm Kiệm, Tân Thành, Hàm Thuận Nam, Tân Lập, Ninh Gia.

- Vùng IV, gồm các xã, phường và đặc khu còn lại.

27. Thành phố Hồ Chí Minh

- Vùng III, gồm các xã Ngã Giao, Bình Giã, Kim Long, Châu Đức, Xuân Sơn, Nghĩa Thành, Hòa Hiệp, Bình Châu, Hồ Tràm, Xuyên Mộc, Hòa Hội, Bàu Lâm, Phước Hải, Long Hải, Đất Đỏ, Long Điền và đặc khu Côn Đảo.

- Vùng II, gồm các phường Bà Rịa, Long Hương, Tam Long và các xã Bình Khánh, An Thới Đông, Cần Giờ, Thạnh An.

- Vùng I, gồm các xã, phường còn lại.

28. Tỉnh Đồng Nai

- Vùng I, gồm các phường Biên Hòa, Trần Biên, Tam Hiệp, Long Bình, Trảng Dài, Hố Nai, Long Hưng, Bình Lộc, Bảo Vinh, Xuân Lập, Long Khánh, Hàng Gòn, Tân Triều, Phước Tân, Tam Phước, Phú Lý và các xã Đại Phước, Nhơn Trạch, Phước An, Phước Thái, Long Phước, Bình An, Long Thành, An Phước, An Viễn, Bình Minh, Trảng Bom, Bàu Hàm, Hưng Thịnh, Dầu Giây, Gia Kiệm, Thống Nhất, Xuân Đường, Xuân Đông, Xuân Định, Xuân Phú, Xuân Lộc, Xuân Hòa, Xuân Thành, Xuân Bắc, Trị An, Tân An.

- Vùng II, gồm các phường Minh Hưng, Chơn Thành, Đồng Xoài, Bình Phước và các xã Xuân Quế, Cẩm Mỹ, Sông Ray, La Ngà, Định Quán, Phú Vinh, Phú Hòa, Tà Lài, Nam Cát Tiên, Tân Phú, Phú Lâm, Nha Bích, Tân Quan, Thuận Lợi, Đồng Tâm, Tân Lợi, Đồng Phú, Đak Lua, Thanh Sơn.

- Vùng IV, gồm các xã Thiện Hưng, Hưng Phước, Phú Nghĩa, Đa Kia, Phước Sơn, Nghĩa Trung, Bù Đăng, Thọ Sơn, Đak Nhau, Bom Bo, Bù Gia Mập, Đăk Ô.

- Vùng III, gồm các xã, phường còn lại.

29. Tỉnh Tây Ninh

- Vùng I, gồm các phường Long An, Tân An, Khánh Hậu và các xã An Ninh, Hiệp Hòa, Hậu Nghĩa, Hòa Khánh, Đức Lập, Mỹ Hạnh, Đức Hòa, Thạnh Lợi, Bình Đức, Lương Hòa, Bến Lức, Mỹ Yên, Phước Lý, Mỹ Lộc, Cần Giuộc, Phước Vĩnh Tây, Tân Tập.

- Vùng II, gồm các phường Kiến Tường, Tân Ninh, Bình Minh, Ninh Thạnh, Long Hoa, Hòa Thành, Thanh Điền, Trảng Bàng, An Tịnh, Gò Dầu, Gia Lộc và các xã Tuyên Thạnh, Bình Hiệp, Thủ Thừa, Mỹ An, Mỹ Thạnh, Tân Long, Long Cang, Rạch Kiến, Mỹ Lệ, Tân Lân, Cần Đức, Long Hựu, Hưng Thuận, Phước Chỉ, Thạnh Đức, Phước Thạnh, Truông Mít, Nhựt Tảo.

- Vùng IV, gồm các xã Hưng Điền, Vĩnh Thạnh, Tân Hưng, Vĩnh Châu, Tuyên Bình, Vĩnh Hưng, Khánh Hưng, Bình Hòa, Mộc Hóa, Hậu Thạnh, Nhơn Hòa Lập, Nhơn Ninh, Tân Thạnh.

- Vùng III, gồm các xã, phường còn lại.

30. Tỉnh An Giang

- Vùng II, gồm các phường Long Xuyên, Bình Đức, Mỹ Thới, Châu Đốc, Vĩnh Tế, Vĩnh Thông, Rạch Giá, Hà Tiên, Tô Châu; các xã Mỹ Hòa Hưng, Tiên Hải và các đặc khu Phú Quốc, Thổ Châu.

- Vùng III, gồm các phường Tân Châu, Long Phú; các xã Tân An, Châu Phong, Vĩnh Xương, Châu Phú, Mỹ Đức, Vĩnh Thạnh Trung, Bình Mỹ, Thạnh Mỹ Tây, An Châu, Bình Hòa, Cần Đăng, Vĩnh Hanh, Vĩnh An, Thoại Sơn, Óc

Eo, Định Mỹ, Phú Hòa, Vĩnh Trạch, Tây Phú, Thạnh Lộc, Châu Thành, Bình An, Hòa Điền, Kiên Lương, Sơn Hải, Hòn Nghệ và đặc khu Kiên Hải.

- Vùng IV, gồm các xã, phường còn lại.

31. Tỉnh Đồng Tháp

- Vùng II, gồm các phường Mỹ Tho, Đạo Thạnh, Mỹ Phong, Thới Sơn, Trung An và các xã Tân Hương, Châu Thành, Long Hưng, Long Định, Vĩnh Kim, Kim Sơn, Bình Trung.

- Vùng III, gồm các phường Gò Công, Long Thuận, Sơn Qui, Bình Xuân, Mỹ Phước Tây, Thanh Hòa, Cai Lậy, Nhị Quý, An Bình, Hồng Ngự, Thường Lạc, Cao Lãnh, Mỹ Ngải, Mỹ Trà, Sa Đéc và các xã Tân Phú, Tân Phước 1, Tân Phước 2, Tân Phước 3, Hưng Thạnh, Mỹ Tịnh An, Lương Hòa Lạc, Tân Thuận Bình, Chợ Gạo, An Thạnh Thủy, Bình Ninh, Tân Dương.

- Vùng IV, gồm các xã, phường còn lại.

32. Tỉnh Vĩnh Long

- Vùng II, gồm các phường Thanh Đức, Long Châu, Phước Hậu, Tân Hạnh, Tân Ngải, Bình Minh, Cái Vồn, Đông Thành, An Hội, Phú Khương, Bến Tre, Sơn Đông, Phú Tân, Long Đức, Trà Vinh, Nguyệt Hóa, Hòa Thuận và các xã Phú Túc, Giao Long, Tiên Thủy, Tân Phú.

- Vùng III, gồm các phường Duyên Hải, Trường Long Hòa và các xã Cái Nhum, Tân Long Hội, Nhơn Phú, Bình Phước, An Bình, Long Hồ, Phú Quới, Đồng Khởi, Mỏ Cày, Thành Thới, An Định, Hương Mỹ, Tân Thủy, Bảo Thạnh, Ba Tri, Tân Xuân, Mỹ Chánh Hòa, An Ngải Trung, An Hiệp, Thới Thuận, Thạnh Phước, Bình Đại, Thạnh Trị, Lộc Thuận, Châu Hưng, Phú Thuận, Long Hữu, Hưng Nhượng.

- Vùng IV, gồm các xã, phường còn lại.

33. Thành phố Cần Thơ

- Vùng II, gồm các phường Phú Lợi, Mỹ Xuyên, Ninh Kiều, Cái Khế, Tân An, An Bình, Thới An Đông, Bình Thủy, Long Tuyền, Cái Răng, Hưng Phú, Ô Môn, Thới Long, Phước Thới, Trung Nhứt, Thốt Nốt, Thuận Hưng, Tân Lộc, Sóc Trăng.

- Vùng III, gồm các phường Vị Thanh, Vị Tân, Đại Thành, Ngã Bảy, Vĩnh Phước, Vĩnh Châu, Khánh Hòa, Ngã Năm, Mỹ Quới và các xã Tân Long, Phong Điền, Nhơn Ái, Trường Long, Thới Lai, Đông Thuận, Trường Xuân, Trường Thành, Cờ Đỏ, Đông Hiệp, Thạnh Phú, Thới Hưng, Trung Hưng, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Trinh, Thạnh An, Thạnh Quới, Hỏa Lựu, Thạnh Xuân, Tân Hòa, Trường Long Tây, Châu Thành, Đông Phước, Phú Hữu, Vĩnh Hải, Lai Hòa.

- Vùng IV, gồm các xã, phường còn lại.

34. Tỉnh Cà Mau

- Vùng II, gồm các phường An Xuyên, Lý Văn Lâm, Tân Thành, Hòa Thành, Bạc Liêu, Vĩnh Trạch, Hiệp Thành.

- Vùng III, gồm các phường Giá Rai, Láng Tròn và các xã U Minh, Nguyễn Phích, Khánh Lâm, Khánh An, Khánh Bình, Đá Bạc, Khánh Hưng, Sông Đốc, Trần Văn Thời, Đất Mũi, Năm Căn, Tam Giang, Lương Thế Trân, Hưng Mỹ, Cái Nước, Tân Hưng, Phú Mỹ, Phong Thạnh, Hòa Bình, Vĩnh Mỹ, Vĩnh Hậu.

- Vùng IV, gồm các xã, phường còn lại.